

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giải thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phượng tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Câu đối chiết tự

*Chiết*: bẻ gãy, phân tách. *Tự*: chữ. Là những câu do sự tách chữ Hán hoặc chữ Nôm ra từng nét hoặc từng phần mà đặt thành câu.

*Tự là chữ, cát giảng đầu, chữ tử là con, con ai con nấy?*  
*Vu là chung, bỏ ngang lưng, chữ đỉnh là đũa, đũa nào đũa này?*

(nguồn Wikipedia)

### Lục Đề, bát thuyết!

Thử đọc mấy câu thơ mở đầu *Truyện Kiều*:

“Trăm năm trong cõi người ta  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau  
Trải qua một cuộc bể dâu  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng...”

Người ta không thể tách riêng hai câu lục ra khỏi văn cảnh của nó: nó không có ý nghĩa và không thể tự tại. Nó phải gắn liền với câu bát kế tiếp. Mà đây cũng là đặc điểm chung của các bài thơ lục bát, ở đó, câu lục thường đóng vai trò một gợi mở, một đẩy đưa, một giới thiệu; chính câu bát mới có chức năng chuyên chở nội dung thông báo.

(Nguyễn Hưng Quốc - Nghĩ về thơ)

## Chữ nghĩa làng văn

*Cánh*: từ cánh trong tiếng Việt thường để chỉ những vật có đôi, đối xứng nhau: cánh cửa, cánh tay, cánh đồng (làng ở giữa, có cánh đồng trước cánh đồng sau..v..v..).

### Văn học miền Nam (VIII)

*Thụy Khuê*: Theo anh, nếu đưa được trở lại với đời sống, đâu là những khía cạnh mà nền Văn học miền Nam có thể giúp ích ngay cho sinh hoạt văn học trong nước?

*Vương Trí Nhàn*: Nhìn chung, tất cả những phần đóng góp của Văn học miền Nam đối với nền văn học dân tộc, đều là những bài học quý báu cho việc xây dựng nền văn nghệ của chúng ta. Tôi chỉ nói ở đây một điểm là việc xây dựng ngôn ngữ văn học. Hiện nay trong đời sống Hà Nội, ngôn ngữ giao tiếp thông thường... rất kinh khủng. Hôm nọ có người viết bài về việc cần giữ chủ quyền trong ngôn ngữ, ý nói đang có cuộc xâm lăng ngôn ngữ, từ tiếng Anh, đến tiếng Hán xâm nhập vào tiếng Việt một cách lộn ầu, và ngay cả ngôn ngữ trong tay những người cầm bút hiện nay nhiều khi cũng hết sức lộn xộn, nhếch nhác, lâu lắm không có người viết văn hay.

Trong lúc đó, tôi đọc lại Văn học miền Nam, với những ngòi bút bậc thầy, thấy ở phần hay nhất của mình, Mai Thảo Võ Phiến, mỗi người có giọng văn riêng, mỗi người một vẻ song đều đậm chất văn học, đều có cái dáng vẻ hiện đại và hé lộ cho thấy một đời sống tinh thần không thể có ở thời tiền chiến được. Rồi nhiều nhà văn khác, như Thụy Vũ, Nhã Ca, Trùng Dương, Túy Hồng, Y Uyên, Dương Nghiễm Mậu, Phan Nhật Nam, v.v... sau này là Ngụy Ngữ, Trần Thị Ngh. văn xuôi của họ, đều là những thể nghiệm ngôn ngữ thu góp được cả cái mạnh của tiếng nói Hà Nội, cả cái mạnh của miền Trung và Sài Gòn lục tỉnh.

Từ trước 1975, nhiều người đã nói tới một số nhà văn di cư, họ cùng đóng góp đưa cho ngôn ngữ văn học của Văn học miền Nam lên trình độ một mực thước một cái chuẩn. Với tư cách một người từ Hà Nội nhìn vào, tôi cũng thấy hai mạch ngôn ngữ đó trong những nhà văn xuất sắc được kết hợp nhuần nhuyễn, đến bây giờ bọn tôi vẫn có thể trông vào đó để học hỏi. Hoặc trong việc dịch những tác phẩm văn học nước ngoài sang tiếng Việt, cách xử lý tiếng Việt của các dịch giả, tôi thấy đó là điều bọn tôi phải nể và phải tiếp nhận họ và trước tiên phải công nhận những đóng góp của họ.

(Thụy Khuê: Nói chuyện với nhà phê bình Vương Trí Nhàn)

## Chữ nghĩa dân gian!

*“Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho người dại nửa mừng nửa lo”...nghĩa là gì?  
Cụ nào hanh thông mách dùm, xin cảm ơn...*

## Văn hóa cà phê

Nhưng, "văn hóa cà phê" là gì ?

Để "nắm bắt" được khái niệm mơ hồ ấy, rất đơn giản. Một buổi sáng đầu thu nhân rồi nào đó, với chút không khí se lạnh đầu ngày, bạn mở cửa bước vào một nhà sách quen thuộc (Barnes & Noble chẳng hạn). Điều đầu tiên bạn chú ý là mùi cà phê ngào ngạt "quánh" lại giữa không gian của tiệm. Đó là quán cà phê mang cái tên khá quen thuộc với người Mỹ : Starbuck hay có thể là một cái tên nào khác. Điểm chính là một quán cà phê nằm ngay trong tiệm sách. Khách đến mua sách có thể cầm vài quyển sách, ngồi xuống một góc bàn, mua ly cà phê, vừa nhâm nhi vừa say mê trên những trang sách thánh hiền. Cà phê và sách vở. Hai thứ ấy thường đi chung với nhau.

Từ năm 1983, nước Mỹ đã xuất hiện hệ thống tiệm cà phê Starbuck, nó trở thành hiện tượng "văn hóa" đáng chú không những chỉ ở nước Mỹ, mà còn ở các quốc gia có "nền văn hóa cà phê" lâu đời ở châu Âu. *"Rót cả tâm hồn vào đáy cốc"* từ nhan đề quyển sách viết bởi người sáng lập nên hệ thống cà phê Starbuck : Pour Your Heart into It. Đó là triết lý chảy qua từng giọt cà phê Starbuck sóng sánh. Thứ triết lý đi từ đáy cốc đến từng tế bào não bộ của khách mộ điệu đứng xếp hàng mỗi buổi sáng trước quầy cà phê Starbuck có mặt từ thành phố Wichita nhỏ bé ở một tiểu bang nông nghiệp quê mùa của nước Mỹ đến những khu phố tráng lệ của Nữ Ước, sang trọng của Seattle, cổ kính của Boston, đến cả thủ đô Paris, cái nôi của văn hóa châu Âu, thành trì kiêu hãnh một thời của giới trí thức châu Âu.

Nói cách khác, cà phê, ngoài tính cách "văn hóa" còn đóng vai trò tác động vào lối sống. Nó có thể làm trì trệ thêm lối sống vốn đã trì trệ của một số người, như ly cà phê Starbuck và lối sống Mỹ.

(T.Vấn – Văn hóa cà phê)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ (I)

“Có chân mà chẳng có tay. Có hai con mắt ăn mày thế gian”

Đó là con gì?

### Giá sách cũ làng văn 1975-2010

Những nhà văn lớp tuổi từ 45-60

Đó là Đặng Thơ Thơ với *Khi phong linh vỡ*. Khánh Trường với *Chỗ tiếp giáp với cánh đồng*, *Có yêu em không*, *Buồn ơi, tôi bỏ tôi chìm đắm*. Lê Minh Hà với *Trăng góa*, *Gió biếc*, *Thương thế, ngày xưa*. Lê Thị Huệ với *Rồng rắn*, *Văn hoá tri trệ nhìn từ Hà Nội*, *đầu thế kỷ 21*. Lê Thị Thắm Vân với *Xứ nắng*, *Mùa trăng*, *Âm vọng*. Nguyễn Thị Thảo An với *Bức phù điêu chắc cạn* gồm 12 truyện ngắn. Phan Thị Trọng Tuyền với *Mùa hè*, *Một nơi khác*, *Một trang đời*. Trần Vũ với *Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu*, *Cái chết sau quá khứ...v.v...*

Nhận xét chung về những nhà văn lớp tuổi này là họ gần như mỗi nhà văn, mỗi cách thể hiện, độc đáo và khác người. Chẳng hạn như trong *Tôi*, *Anna* và *Thu* của Nguyễn Danh Bằng, người đọc nhận thấy có điều gì đặc biệt trong câu chuyện, trong nhân vật, nội dung truyện mà chưa bao giờ tôi có cảm nghiệm được. Cũng như thế trong truyện *Hai công dụng mới của máy sấy tóc* của Phan Nhiên Hạo, câu chuyện xây dựng trên những tình tiết làm người đọc ngạc nhiên và ngỡ ngàng. Nhà văn Nam Dao đã giới thiệu *Thời hậu chiến*, nhiều lúc đọc mà cảm thấy hụt hẫng, sút chân không theo kịp, không nắm bắt được tác giả. Đọc *Đêm nghi ngại* của Cổ Ngự, chẳng khác gì người đi trong đêm, không tìm được lối ra. Các tình tiết câu truyện xoắn sít vào nhau như những mảnh rời nối kết lại một cách rời rạc không thuận lý?

Tình trạng xa cách giữa lớp người đọc cũ và những nhà văn mới, có giống cảnh quan những con người đứng nhìn vào một hang động và chỉ thấy chiếc bóng mình không rút chân ra được của lớp người đi tản trước? Bấy nhiêu câu hỏi để tự tra vấn chính mình vẫn chưa có lời giải đáp.

(Hiện trạng lão hóa nơi các nhà văn Hải ngoại)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ (II)

Trả lời: đó là...con gà.

## Truyện cực ngắn

Một hay hai năm sau khi sang Mỹ, tôi có đọc tựa đề của hai cuốn phim trong báo của miền Bắc mà khi vừa đọc xong, tôi chừng hững không biết nghĩa là gì: “*Thép đã tôi thế đấy*” (Phim Nga) và “*Đến hẹn lại lên*”. Phải mất nhiều phút suy nghĩ tôi mới đoán ra chữ “*tôi*” ở đây như nghĩa của chữ “*tôi luyện*”: “Thép đã tôi thế đấy” có nghĩa là “thép đã nung đúc đến độ bền cứng như thép”, ám chỉ một người đã trải qua bao gian nan thử thách khó khăn, nay trở thành vững chắc.

Còn “Đến hẹn lại lên”, thoát nghe như tựa đề một chuyện phim X-rated, có nghĩa là phần khởi khi gặp nhau!

## Tiếng Việt cổ

Chuốc: rót rượu

Gồng; gánh (sau mới có chữ khiêng)

## Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Câu đối miệt vườn

Đọc cái này giải sầu các bạn, lượm trên mạng đấy :

*Con bò cạp cạp con bò cạp, cạp rồi lại bò, bò rồi lại cạp.  
Con tắc kè kè con tắc kè, kè xong rồi tắc, tắc xong rồi kè*

\*\*\*

*Anh tiểu thương thương chị tiểu thương, thương rồi lại tiểu, tiểu rồi lại thương.  
Anh bán thịt "thịt" chị bán thịt, "thịt" rồi lại bán, bán rồi lại "thịt"*

\*\*\*

*Con gà đá đá con gà đá, đá xong rồi gà, gà xong rồi đá.  
Chàng Chim Chích Chích chị Chim Chích, chích chán chơi chim,  
chim chán chơi chích*

(Nguồn ĐatViet.com)

## Tiếng Bắc, tiếng Nam

Bắc mang thai, Nam có chửa

Nam kêu: muốn ói! Bắc bảo: buồn nôn!

## Độc âm

Tiếng Việt đa số là độc âm, nên để diễn tả một đôi khi phải dùng đến từ ghép.

Như “bóng+em = *bóng em*”:

“*Bóng cam, bóng quýt sau nhà – Bóng trăng rọi lại, anh tưởng là bóng em*”.

Và nhiều tiếng, mang tính phản nghĩa, được ghép với nhau thành âm kép.

Như “*khen chê*”, “*khó dễ*”, “*đêm ngày*”:

“*Em mong thấy mặt em chào – Vắng anh em những khát khao đêm ngày*”

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

## Tục ngữ Ta và Tàu

Thương nhau lắm cắn nhau đau

Hảo phu thê, đả đáo đầu

Bất đá bất mạ bất trường cửu

(Chồng vợ hay đánh nhau chí chớ

Chẳng đánh nhau chẳng sống chung lâu)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## Bánh chưng

Truyện *Bánh chưng, bánh giầy* với hình dạng tròn tròn đất vuông được chép trong sách *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp có từ thời vua Hùng Vương. Truyện giản dị, dễ hiểu. Chỉ có tên bánh mới... hơi khó hiểu. Xin bàn về cái tên *Chung*.

Trần Thế Pháp viết : " Chữ nhi thực chi. Hiệu viết chưng bính " (Nấu chín, và đặt tên là bánh *chưng*). Trần Thế Pháp dùng chữ *chủ* (bộ hỏa) nghĩa là nấu, chứ không dùng chữ *chưng* (chưng hấp, nấu cách thủy). Thực tế thì chưa thấy ai hấp hay nấu cách thủy cái bánh chưng vừa được gói xong. Lối giải thích tên bánh *chưng* không thỏa đáng.

Truyện *Hoa Tiên* của Nguyễn Huy Tụ (1743-1790) có câu :

*Lễ hôn chuông chấn mọi đường*

*Quế càng hương chấp gắm càng hoa thêm*

*Chuông* chẵn nghĩa là vuông vắn, đầy đủ. *Việt Nam tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức cho rằng *chuông* là do *vuông* đọc trạnh ra, dùng để nói về cách đo vải lụa (Một chuông lụa, một chuông vải). *Tự điển Việt-Pháp* của Đào Đăng Vỹ có chuông vải. *Từ điển Việt-Hán, Hán-Việt* của Phạm Cần cũng có chuông vải.

Sau *Hoa Tiên* độ một hai chục năm, truyện *Kiều* của Nguyễn Du (1765-1820) lại nói :

Vội về thêm lấy của nhà  
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một *vuông*

Đầu thế kỉ 19, *chuông* đã được *vuông* thay thế hay là người đời sau đã sửa thơ của Nguyễn Du, đổi *chuông* thành *vuông*? Tiếng Việt ngày nay có nhiều từ kép cho thấy dường như có sự chuyển biến ngữ âm (ch > v) : *chơi voi, chênh vênh, chạy vạy, chon von, chót vót, chạng vạng* v.v.

Trở lại truyện *Bánh chưng*. Chúng ta có thể suy đoán rằng Trần Thế Pháp đã dùng chữ *chưng* (Hán) để ghi âm chữ *Chuông* (nôm): "Hiệu viết *chuông* bính" (đặt tên là bánh *chuông*). Bánh *chuông* là bánh *hình vuông*, tượng trưng cho đất.

Vì vậy mà bánh *chuông* bị nhầm thành bánh *chưng*.

(Nguyễn Dư - Chimviet.free.fr)

## Tiếng Việt cổ

Thuốt: thuốc

Chút: con chuột

Khuông: khuôn hay khung

## Từ điển văn học mới

Vừa được phát hành đầu năm 2005. Nói là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm và có nhiều thay đổi cái nhìn mới, tư duy mới, và cái mới nghiêm túc. Một ví dụ đánh dấu cõi mờ, là nhiều tác giả miền Nam ; ngoài những người trong Mặt Trận Giải Phóng, hoặc ít nhiều quan hệ, còn có những ngòi bút độc lập như Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Đức Quỳnh, v..v..

Một số tác giả ở hải ngoại cũng được đưa vào : Bình Nguyên Lộc hay Nhật Tiến không gây ngạc nhiên. Có Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, nhưng vắng Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, vắng cả Nguyễn Văn Trung, tác giả có sách trước tác và xuất bản trong nước sau 1975.

(Đặng Tiến – Chimviet.free.fr)

## Tục ngữ Tàu và Ta

Họa xà thêm tíc  
(Vẽ rắn thêm chân)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### Lý luận văn học

Lý luận văn học nhằm tìm hiểu và đặt nền tảng cho văn học, là phương tiện nhận thức, giữ vai trò khai phá trong lãnh vực văn học. Khác với đối tượng của văn học sử và phê bình văn học vốn là những hiện tượng văn học xác định và cụ thể, lý luận văn học có tính chất của phương pháp luận nghiên cứu văn học, nhắm vào phương diện cấu trúc và những điểm điển hình của hiện tượng văn học. Đối với lý luận văn học, những hiện tượng văn học cụ thể chỉ là phương tiện để dẫn đến những khái quát trừu tượng. Dĩ nhiên lịch sử văn học và lý luận văn học không thể tách rời nhau. Không có lịch sử của văn học thì không có lý luận về văn học và ngược lại.

Lý luận văn học cũng nghiên cứu tiến trình của văn học nhưng không đi sâu vào lịch sử các giai đoạn, vào các trào lưu như trong văn học sử, mà chỉ nhằm vào nguồn gốc của cấu trúc, tức là những phương pháp sáng tác chính yếu, những nguyên tắc tư tưởng, nghệ thuật của thời đại phản ảnh cuộc đời chẳng hạn như các chủ nghĩa cổ điển, lãng mạn, tượng trưng, hiện thực v.v.

Văn học sử và phê bình văn học cung cấp những nhận định về từng tác giả, tác phẩm tiêu biểu đưa đến sự khái quát của lý luận văn học. Ngược lại, lý luận văn học tổng kết những quan điểm, kiến thức và chuyển hóa thành phương pháp chung cho việc phê bình văn học và nghiên cứu văn học sử.

Nguyễn Bách Khoa (tức Trương Tửu) với các tác phẩm Nguyễn Du và Truyện Kiều, Văn Chương Truyện Kiều, Nguyễn Công Trứ, Đặng Thái Mai với Văn Học Khái Luận, Đinh Gia Trinh với những bài về văn học trên tạp chí Tri Tân, Thanh Nghị là những tác giả viết lý luận văn học đầu tiên của Việt Nam.

Ở hải ngoại, Nguyễn Hưng Quốc với Nghệ Thuật Thơ Việt Nam (1988), Thơ..v..v... và..v..v.. (1996), Lưu Nguyễn Đạt với Văn Luận (2000) là những tác giả sử dụng phương pháp lý luận văn học hiện đại của tây phương.

(Trần Bích San – Văn khảo khái luận)



## Tiếng Bắc, tiếng Nam

Bắc vờ vịt lá mơ, Nam thẳng thùng lá thúí địt  
Đến khi Nam địt, Bắc hô đánh rầm

### Chữ nghĩa làng văn

Về mặt thể loại, hình thức; văn học viết thời kỳ đầu chủ yếu là thơ với hai loại: cổ thể và cận thể - tôn trọng khuôn phép mẫu mực của thơ ca Tàu; ngoài ra theo Dương Quảng Hàm trong quyển *Văn học Việt Nam* thì văn viết trong thời kỳ đầu "có nhiều thể, nhưng có thể chia ra làm ba loại lớn" gồm:

Vần văn: tức loại văn có vần.

Biền văn: tức loại văn không có vần mà có đối (như câu đối).

Tản văn hay văn xuôi: loại văn không có vần, không có đối.

Cuối thế kỷ 18 trở đi, khi chữ Nôm hình thành thì văn học viết có vài chuyển biến trong sáng tác: văn học từ chiếu cung đình dần thâm nhập vào văn chương bình dân và cái tôi cá nhân bắt đầu được đề cập đến. "Bà Chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương và Truyện Kiều của Nguyễn Du được xem là những thành tựu nổi bật của chữ Nôm trong văn học Việt Nam.

Từ khi có việc truyền bá chữ quốc ngữ thì diện mạo văn học có những thay đổi. Ngoài ảnh hưởng các dòng tư tưởng truyền thống phương Đông thì sự thâm nhập của phương Tây mang đến cho văn học viết con đường "hiện đại hóa" từ hình thức, thể loại đến tư tưởng và nội dung sáng tác thì có thể hiểu một cách tổng quát về các thể loại chính như sau:

Từ thế kỷ 10 đến cuối thế kỷ 19 gồm: tự sự, trữ tình, kịch.

(nguồn Wikipedia)

### Chữ nghĩa máy vi tính I

Điện thư không có dấu của bà mẹ nhờ hàng xóm gửi cho con:

"Luc nay ba ma ban du lam, ngay nao ba cung coi ao, con ma thi coi quan, lam cho ba con bi liet luon".

Điện thư được gửi trên máy, người con đọc ra là:

"Lúc này ba má bận dữ lắm, ngày nào ba cũng cởi áo, còn má thì cởi quần, làm cho ba con bị liệt luôn".

## Văn học miền Nam (IX)

Gần đây, chúng tôi cố gắng đưa vấn đề Văn học miền Nam trở lại văn đàn, vì có những người thực sự yêu văn chương ở trong nước muốn tìm hiểu về những tác giả và tác phẩm đã bị loại trừ sau 30/4/1975. Chúng tôi xin giới thiệu Vương Trí Nhàn, một trong những nhà phê bình miền Bắc đã không ngừng tiếp cận với văn học miền Nam từ thời kỳ phân chia Nam Bắc đến ngày nay.

\*\*\*

**Thụy Khuê:** Về di sản văn học thì Văn học miền Nam có vai trò gì trong việc bảo tồn Văn học tiền chiến và trên mặt nghiên cứu văn học, theo anh, miền Nam có để lại thành quả nào mà anh thấy vẫn còn hữu ích cho giới làm văn học hiện nay không?

**Vương Trí Nhàn:** Nhìn vào di sản Văn học tiền chiến, thì trong một thời gian dài, ở Hà Nội mất đi rất nhiều, nhiều tài liệu bị cất vào thư viện, sau đó không ai đọc, cuối cùng không biết ở đâu. Thì chính là ở Sài Gòn, nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn đã bắt đầu có sự nổi tiếp, chuẩn bị, sưu tầm tài liệu, đã góp phần làm giàu có thêm di sản chung của chúng ta.

Gần đây, *Từ điển văn học* của nhóm Nguyễn Huệ Chi đã đưa vào một cuốn sách văn học sử mà riêng bản thân tôi rất thích thú và đã mua về để dùng, coi như là cuốn sách rất tốt về văn học sử Việt Nam, đó là cuốn *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ. Hồi ấy, ở Sài Gòn có nhiều người rất nổi trên phương diện nghiên cứu văn học và biên khảo, ông Phạm Thế Ngũ chỉ là một nhà giáo và cuốn sách mà tôi nói chỉ là một cuốn giáo trình; nhưng thực sự gần đây đọc lại, tất cả mọi người đều công nhận đó là một cuốn sách viết rất nghiêm túc.

Về việc nghiên cứu và giới thiệu nói chung. Năm ngoái, một cuốn sách về triết học của Trần Thái Đình, cuốn *Triết học hiện sinh* cũng đã được in lại. Hôm qua tình cờ tôi đọc lại *Văn học miền Nam Tổng quan* của Võ Phiến, thì thấy ông Võ Phiến cho biết cuốn *Triết học hiện sinh* đó có thời gian là cuốn bán chạy nhất năm nó ra đời ở Sài Gòn. Điều đó với tôi là một chi tiết thú vị, bởi vì hiện nay ở Hà Nội cũng thế thôi, cũng đang có một khao khát tiếp nhận những cái mới của phương Tây, tiếp cận những tinh hoa của họ thế kỷ XX, và trong việc này tôi thấy Văn học miền Nam đã đi trước cũng như để lại những thành quả mà bây giờ chúng tôi không dễ gì vượt qua.

(Thụy Khuê: Nói chuyện với nhà phê bình Vương Trí Nhàn)

## Chữ nghĩa máy vi tính I

Điện thư không có dấu của bà mẹ nhờ hàng xóm gửi cho con là:  
“Lúc này ba má bận dữ lắm, ngày nào ba cũng coi ao, còn má thì coi quán, làm cho ba con bị liệt luôn”.

### Nhà văn nữ đầu tiên

Lê Thị Huệ là nhà văn nữ đầu tiên của văn chương hải ngoại. Khởi sự cầm bút từ khối người Việt tị nạn sang Hoa Kỳ năm 1975.

*Cánh hoa trước gió*, chuyện ngắn đầu tay của Lê Thị Huệ, được nhà văn Võ Phiến giới thiệu trên tờ Văn Học vào năm 1979: "Chuyện ngắn đầu tay làm ngạc nhiên văn giới".

Lê Thị Huệ sinh năm 1953, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh. Hiện ngụ cư tại Hoa Kỳ. Tác phẩm đã xuất bản: Bụi hồng, Ròng rã, Lũy tre xanh, Khởi đi từ ngây thơ đến gần sự thật, Văn hóa tri trệ nhìn từ Hà Nội đầu thế kỷ 21. Sáng lập và điều hành trang Gió O trên net từ 2001 đến nay.

### Tía, cha

Người Việt miền Nam thường dùng chữ Tía để chỉ người cha. Đó là danh từ *Tia* của dân Thất Mân, Mã Lai đợt II. Các đảo Mã Lai đều nói là *Tura*, có nghĩa là cha vợ, chứ không phải là Cha như người Việt miền Nam đã dùng sai.

### Thành ngữ

*“Cà riềng cà tỏi”* : nói đi nói lại có một chuyện.

### Từ tiếng Việt nào dài nhất?

- Có 7 mẫu tự coi như dài nhất: *Nghiêng* thành - *Khuyếch* trương.

(Nguồn ĐatViet.com)

### Văn học lưu vong

Tiếp đến Võ Phiến cho in cuốn *Văn học miền Nam tổng quan* với mục đích khôi phục lại thực trạng văn học miền Nam, một nền văn học "đang bị tiêu hủy". Tác phẩm đã được đón nhận nồng nhiệt tại hải ngoại khi mới ra đời. Mười ba năm sau, Võ Phiến hoàn tất bộ *Văn Học Miền Nam* gồm 7 tập gồm 3229 trang.

Bộ *Văn Học Miền Nam* của Võ Phiến là một tuyển tập, có tham vọng kết hợp hai lối trình bày của Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* và Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt nam*, tức là vừa giới thiệu tác giả vừa in kèm tác phẩm tiêu biểu của họ, do đó có bề dày. Về cuốn *Tổng quan*, trong chỗ riêng tư, Mai Thảo sinh thời đã có ý phản nản về những phán đoán thiên lệch trong sách, nhưng ông không phát biểu công khai. Nhưng sau khi Võ Phiến hoàn tất bộ *Văn Học Miền Nam*, nhiều người khác lên tiếng phản đối cách phê bình của Võ Phiến trong bộ *Văn Học Miền Nam*, nhất là về Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Bình Nguyên Lộc..., đặc biệt những người cùng thời với ông như Viên Linh trong bài "*Trăm năm thân thế*" viết về Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Văn Trung trong bài "*Hương về miền Nam Việt Nam*" và bài Mặc Đỗ trả lời phỏng vấn của Nguyễn Tà Cúc.

Cuốn *Văn học miền Nam tổng quan* của Võ Phiến ra đời đúng lúc người di tản đang còn bàng hoàng trước cuộc đổi đời, phần nộ trước những tin về cải tạo, đau đớn về chuyện thuyền nhân, phần uất về việc đốt sách ở quê nhà, nên nó đã đáp ứng đúng nhu cầu của người đọc di tản, nó gây ra một số vấn đề tranh luận. Tuy vậy, cuốn *Văn học miền Nam tổng quan* vẫn là một tác phẩm cần thiết, nó đã được viết ra sớm nhất trong hoàn cảnh lưu vong, và cũng là một tư liệu văn học viết về thời kỳ 54-75, ở miền Nam, xuất hiện sớm nhất sau chiến tranh.

Bởi vì, trong suốt thời kỳ cực thịnh của sách báo ở miền Nam, chưa có tác giả nào lưu tâm đến việc ghi lại lịch sử văn học của thời kỳ này. Cho nên có thể nói đây là cuốn sách đầu tiên viết về *sinh hoạt văn học* ở miền Nam trong giai đoạn 1954- 1975, tương đối khá đầy đủ.

(Thụy Khuê – Văn học miền Nam)

## Truyện cực ngắn - Chiến tranh

Truyện chóp hay cực ngắn có truyện chỉ một vốc chữ, thậm chí một dúm câu. Nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có tráng qua một chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta không có cảm giác ngọt nhạt như bị vo nén lại rồi nhét vào trong cái ống điều...

"Hắn chỉ thực là lính sau khi hắn vượt biên. Ở Mỹ, cuối tuần nào cũng thế, ngồi trong phòng khách, với ly bia trên tay, giữa đám bạn bè mới, hắn say sưa kể về cuộc đời lính chiến của hắn. Hắn kể say sưa và đầy tự tin: hắn biết chắc chắn trong những trận đánh ấy hắn không bao giờ thua trận. Bạn bè hắn cũng thích thú. Họ nâng ly, cổ vũ: "dzô!".

## **Biên khảo**

Trong lãnh vực biên khảo không có tác phẩm nào được viết bởi một cá nhân mà chẳng tránh được những thiếu sót và sai lầm. Mặc dù là những nhà biên khảo thành danh, kiến văn quảng bác và những học giả có học vị, lão thành, mà họ đã cẩn trọng, nghiên cứu có phương pháp, tài liệu dồi dào.

Vì những dữ kiện sai lạc đôi khi hai, ba chục năm sau mới tìm ra.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## **Tiếng Việt trong sáng**

Người Việt trong nước gọi “búa sua” tổ quốc là “nhà nước”, chính phủ là “Nhà nước”.

Hết “nhà nước” ta đến nhà nước nhà nước I Rắc, nhà nước I Răn, nhà nước Ả Rập, nhà nước Cu Ba..v..v..

Họ “trần trở” và “bức xúc” không dùng từ “Quốc gia” vì “ky húy”.

## **Thơ thiên**

Từ những Thiên Sư Khuông Việt thế kỷ thứ 9 đến các Thiên Sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Huệ Sinh, Ngô Ấn, Mãn Giác... thế kỷ thứ 10 đến các Thiên Sư Đạo Hạnh, Không Lộ, Diệu Nhân, Huyền Quang... vào thế kỷ thứ 11, chưa kể hai vị Vua Lý Thái Tông năm (1001-1054) và Trần Thái Tông (1218-1277) cũng trước tác nhiều bài thơ thiên xuất chúng để đời. Và các Thiên Sư Trúc Lâm, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hương Hải và Chân Nguyên trong các thế kỷ 13, 14, 15 và 16 nối tiếp phát triển thơ thiên lưu lại hậu thế.

(Thái Tú Hạp - Thơ thiên Việt Nam, Đường thi Trung Hoa)

## **Việt khác Hoa thế nào**

Trị thủy thì người Trung Quốc khơi sâu và khơi nhiều dòng chảy.  
Người Việt đắp đê.

Người Hoa ở nhà hầm. Người Việt ở nhà sàn.

Trung Quốc đúc đỉnh, Việt Nam đúc trống.

Kẻ sĩ Trung Quốc nằm ở các đô thị. Trí thức Việt - phần lớn nằm ở làng quê.

Trung Quốc tâm lý làm lớn, làm lớn. Việt ta tâm lý dân tộc, chủ tình *ưa dung hòa nửa vời*.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam)

## Giòng hay dòng

Thụy Khuê, nhà phê bình văn học, với bài viết "*Nhất Linh, Giòng Sông Thanh Thủy*". Trong bài bà đổi tên tác phẩm Giòng Sông Thanh Thủy của Nhất Linh từ *Giòng* thành chữ *Dòng* với lời chú thích như sau:

"Nguyên tựa của Nhất Linh là Giòng Sông Thanh Thủy, chúng tôi sửa lại là Dòng Sông Thanh Thủy cho đúng chính tả".

Đọc lời chú thích đó chúng tôi phân vân tự hỏi Thụy Khuê theo chính tả nào và chính tả nào là đúng? Viết "Dòng" đúng chính tả vậy viết "Giòng" có là sai chính tả hay không? Nếu chữ "giòng" viết nhỏ trong một câu văn ta không chú ý nhưng nếu đã thành tên một tác phẩm in chữ lớn ngoài bìa như *Giòng Dồi* (Học Phi), Bên *Giòng Lịch Sử* (Linh mục Cao Văn Luận), *Giòng Lệ Thơ Ngây* (Thanh Nam), *Dòng Sông Đình Mệnh* (Doãn Quốc Sỹ) là sự tự do lựa chọn của các tác giả, chúng ta chấp nhận cả hai mà không coi là sai.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bề bề)

## Đầu cua tai nheo

Hầu như mọi người đều hiểu "*tai*" ở đây là cơ quan của thính giác trong khi thực ra nó lại có nghĩa là *cái mang của con cá*. Đó là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn ở một từ âm Hán Việt là "tô lai thiết" (xem *Khang Hy tự điển*), có nghĩa là mang cá.

Đã rõ "*tai*" ở đây là mang cá và "*tai nheo*" tất nhiên là mang của cá nheo.

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

## Hội nhập

Ngôn ngữ của tôi là thứ ngôn ngữ hơn năm chục năm về trước. Tôi nói: "Tôi đi nhà thương mổ mắt" nhưng bây giờ "người trong nước" nói: "Tôi đi bệnh viện làm *phẫu thuật* mắt", nghe vẫn về hơn khiến tôi có mặc cảm mình "quê một cục" !

Một cháu bé sáu tuổi về nói với mẹ: "Mẹ ơi, con có *ảo ảnh*, con biết chỉ có một cái cốc mà con nhìn thấy có hai cái". Người lớn trẻ con bây giờ ai ai cũng dùng những từ ngữ Hán Việt một cách rất chuẩn và rất tự nhiên như tiếng mẹ đẻ, xưa kia những từ ấy chỉ thấy trên sách báo của các nhà trí thức. "Hàn Lâm Viện" đã xuống đường !

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Câu chuyện "hội nhập")

## Tục ngữ Ta và Tàu

Không tiền khoáng hậu: trước chưa từng có, sau cũng không có được. Người Tàu nói “Không tiền *tuyệt* hậu”. Cùng nghĩa với “độc nhất vô nhị”.

## Chữ nghĩa máy vi tính

Xưa, giai thoại được truyền miệng từ người này sang người khác nên được gọi là văn học dân gian. Nay, truyện dân gian thời internet có thêm một nguồn khác được gọi là...chat, thí dụ như:

Email anh viết thật bay

Bướm em mong đợi cả ngày lẫn đêm

## Ngũ

Nhà ở, người ta thường làm 5 gian.

(Nếu 3, thì vẩy thêm 2 cái chái, gọi là ba gian hai chái).

Tín ngưỡng, có tục thờ quan *ngũ* dinh (5 ông hổ)

Đối với tổ 5 đời, người ta lấy gỗ mớ ròi khắc (hoặc viết) họ tên, năm sinh, năm mất lên đây làm bài vị để thờ, gọi là: “*Ngũ đại mai thần chủ*”

Đời người, đến tuổi 50, đã biết được thế nào là mệnh Trời, cho nên mới có câu: “*Ngũ thập tri thiên mệnh*”.

Mở rộng thêm còn có 5 canh (trong *đêm 5 canh, ngày 6 khắc*)

Thêm những cái “*Ngũ*” trong ngày tết:

Ngoài mâm *ngũ* quả, trước bữa ăn, để khai vị còn rượu *ngũ* xà. Sau khi ăn xong, tráng miệng có mứt *ngũ* vị. Chơi tam cúc, nếu lên bài được đủ 5 quân tốt đen (hoặc 5 quân tốt đỏ) gọi là *ngũ* tử.

(Phùng Thành Chung - Phiếm bàn về con số 5)

## Truyện ngắn, truyện dài

Nhiều nhà phê bình văn học cho rằng: “Cho đến nay, các nhà văn Việt Nam sở trường về truyện ngắn hơn là truyện dài. Các tiểu thuyết có thể rất hay ở khúc đầu, nhưng càng đọc đến chương hai, ba gì gì đó càng thấy ... “hụt hơi”.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

## Hoán dụ

Hoán dụ là phương thức tu từ thực hiện bằng việc chuyển nghĩa của các từ, dựa vào sự gần nhau của đối tượng, sự vật. Tương tự như ẩn dụ, hoán dụ là đặt một nghĩa bóng cho một từ vốn có nghĩa đen, như...

*Đàn bà để có mấy tay/Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan* (thơ Nguyễn Du), thì các từ *tay*, *mặt*, *gan* không mang nghĩa đen chỉ đối tượng (cái tay, khuôn mặt, bộ gan) mà dùng để trở con người trong nghĩa bóng của nó, như vậy bộ phận của con người được dùng để trở chính con người).

(nguồn Wikipedia)

## Chữ và nghĩa

Trong quân đội chức vụ hạ sĩ quan có *thượng sĩ*, *trung sĩ*, *hạ sĩ*.

Những chữ này từ đâu mà có? Theo Nguyễn Công Trứ, nước ta thời xưa có năm tước “Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt” là: Thượng đại phu, hạ đại phu, *thượng sĩ*, *trung sĩ*, *hạ sĩ*.

## Trăm hay không bằng tay quen

“Trăm” là một từ cổ thường bị hiểu nhầm là mười lần mười. Thực ra đây là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn từ “*chiêm*”, nghĩa là nói liến thoắng hoặc nói sảng trong khi bệnh.

Từ trên đây suy ra, “trăm hay không bằng tay quen” có nghĩa là nói lý thuyết suông dù có hay đến đâu cũng không bằng thực hành thông thạo.

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

## Giá sách cũ làng văn 1975-2010

Nay nhìn lại sinh hoạt văn học, trong nước thì xô bồ như chợ vỡ. Ngoài nước thì vắng hoe như buổi chợ về chiều. Cố mà vực dậy, vươn lên với những cố gắng của một số tập san, nhà xuất bản. *Thế Kỷ 21*, *Gió Văn*, *Văn*, *Văn Học*, *Hợp Lưu* nằm trong số đó.

Cứ giả dụ không có những tập san vừa nêu trên thì số phận sinh hoạt nhà văn Hải ngoại có còn nữa không? Nhưng người ta cũng nhận thấy hiện tượng lão hóa trong số những nhà văn trẻ trên đây. Rất nhiều nhà văn cầm bút muộn hay đã quá tuổi 40. Họ được coi là trẻ trong văn nghiệp, nhưng già tính theo tuổi đời. Nam Dao bắt đầu



cầm bút khi tuổi đời sắp bước vào 60. Miêng, Mai Ninh bắt đầu sự nghiệp viết văn lúc trên 40 tuổi. Nguyễn Thị Thanh Bình nay 46, Lê Thị Thắm Vân 43, Lê Quỳnh Mai 42, Phạm Thị Ngọc 41, Đinh Linh 41, Cổ Ngư 41, Hoàng Mai Đạt 41, Thận Nhiên 42, Đặng Thơ Thơ tên thì rất trẻ, nhưng nay cũng 42. Thật trẻ họa may còn có Đỗ Lê Anh Đào mới 25 tuổi.

Lớp người đọc bây giờ cũng từ lớp tuổi 49 đến 70. Điều đó cảnh báo một tương lai không sáng sủa gì cho văn học ngoài nước. Đã thế sự nghiệp văn chương thì nhiều người còn mỏng. Và vẫn là thứ văn chương nghiệp dư... Cứ nhìn những nhà văn trẻ viết văn bằng tiếng ngoại quốc không khỏi làm chúng ta suy nghĩ. Những người như Linda Lê, Monique Trương, Lê Thị Diễm Thúy, Pedro Nguyễn, Valerie Tống Cường... Phải chăng, muốn trở thành nhà văn chuyên nghiệp thì chỉ có con đường chọn viết văn bằng ngoại ngữ? Nhưng những nhà văn trẻ vừa và thật trẻ vẫn là niềm hy vọng của sinh hoạt văn học di dân Việt Nam như những đóm lửa của hy vọng còn chờ đợi.

Bên nhà, niềm hy vọng đặt vào những người trẻ như Đỗ Hoàng Diệu, bên này thì những người lớp trước như Lê Thị Huệ, Trần Vũ, Mai Ninh. Nay trọng trách đó đặt trên vai một số nhà văn có tiềm năng như Đỗ Lê Anh Đào, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Nguyên Phước, Đặng Thơ Thơ? Bao giờ niềm hy vọng cũng vẫn chỉ là hy vọng?

(Hiện trạng lão hóa nơi các nhà văn Hải ngoại)

### **Nét đặc biệt trong tiếng Huế**

Thổ ngữ ở Huế thì nhiều lắm và cũng lạ lắm, và vì tiêu đề của bài này là lan man về những thổ ngữ đó, nên xin được nhả nha tìm lại chút ít những gì đã mất và ôn lại những gì đang còn xài. Vì trang báo có hạn, không thể giải thích từng chữ một, nên xin được ghép thổ ngữ thành từng câu, từng nhóm, có đầu có đuôi hơn:

*"Đồ cái mặt trôm lơ mà đòi rượn đực!"*

(Thứ mặt mày hốc hác mà đòi hóng trai)

Chữ *rượn* gần đồng nghĩa với câu con ngựa Thượng Tứ, câu này cũng đọc không kém. Thượng Tứ là tên gọi của cửa Đông Nam, bên trong cửa này có Viện Thượng Kỳ gồm hai vệ Khinh kỵ vệ và Phi kỵ vệ chuyên nuôi dạy ngựa cho triều đình Huế.

Vì thế gọi ngựa Thượng Tứ có nghĩa bóng bẩy xa xôi rằng con đó nó ngựa lắm, nó đĩ lắm, nhưng thâm thúy hơn nhiều.

(Nguồn ĐatViet.com)

## Tục ngữ Ta và Tàu

Thương nhau lắm cắn nhau đau

Hảo phu thê, đả đáo đầu  
Bất đả bất mạ bất trường cửu  
(Chồng vợ hay đánh nhau chí chóc  
Chẳng đánh nhau chẳng sống chung lâu)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đàn ông mà không dê dê  
Đàn bà không ngựa, phu thê không nòng

## Tiếng Bắc tiếng Nam

Vì thổ âm “đất mặn, giọng chua”, nhiều người Bắc đọc phụ âm “tr” thành “ch”, “d” thành “gi”, “s” thành “x”, quen phát âm ra tiếng gió, khiến giọng trở nên chua.

Người Nam nhiều người phát âm bỏ “dê dưới”, chẳng hạn như câu hát “*làng* tôi có cây đa cao ngất từng *không*” thì họ hát “*làn* tôi có cây đa cao ngất từng *khôn*”. Hoặc giả như âm “*ùi*” thành “*ôi*” như câu “tình em gió mưa giập *vùi*, thôi em đành một mình ngậm *ngùi*” thành ra “tình em gió mưa giập *vu..ôi*, thôi em đành một mình ngậm *ngu..ôi*”.

## Già kén kẹn hom

“Già kén kẹn hom” là một lối nói của nghề nuôi tằm. Đây là một kết kinh nghiệm nhắc nhở người nuôi tằm chớ để cho kén quá già, vì nếu kén quá già thì sẽ “*kẹn*”, nghĩa là không róc ra khỏi hom, tức là những thanh tre ngang dọc đan ken vào nhau để làm thành cái né tằm.

Câu này từ lâu đã bị tách khỏi nghề nuôi tằm nên không còn được hiểu đúng với ý nghĩa ban đầu của nó nữa. Ngày nay, người ta hiểu “*già kén*” là kén chọn quá lâu ngày, rồi không cần biết “*kẹn hom*” có nghĩa chính xác và cụ thể là gì, người ta hiểu chung chung cả câu thành ngữ là hễ kén chọn quá lâu thì sẽ dở dang trong hôn nhân.

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

## **Đê...**

Bà Hồ Xuân Hương có câu “Đê còn buồn sừng húc đậu thưa”.  
Tàu có câu “Đê dương húc phiên” nghĩa “đê đực húc giậu”

### **Thứ nhất thả cá, thứ nhì gá bạc**

“*Thả cá*” ở đây thực ra là “*thách cá*”, nói trong một độ gà chọi hay cá lia thia, sau khi xem kỹ con vật rồi, người cầm chắc con của mình chọn sẽ thắng, bèn thách mọi người bắt số tiền cá của mình.” (Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, *Việt Nam tự điển*).

Lại cũng trong “*nghe*” cờ bạc, còn có một lối nói liên đới với “*thả cá*” là “*bắt cá*” mà cũng *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ giảng là “nhận đánh cuộc”. Đây chính là từ thấy được trong thành ngữ “*bắt cá hai tay*” mà Vương Hồng Sển đã giảng rất đúng như sau: “Tiếng lóng của giới đồ bác: buổi sớm nơi trường gà tiếng bắt cá nghe xôm; bắt cá hai tay: ôm đồm, bên nào cũng có đánh (lội qua, lội lại) để khi ăn thì ăn được nhiều, khi thua thì thua ít”.

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

### **Sao gọi “ngựa Thượng Tứ”?**

Ở Huế, khi nói về một người đàn bà hung dữ, có lời ăn tiếng nói thô lỗ, cử chỉ vùng vằng, người ta thường ví kẻ đó như “Ngựa Thượng Tứ”.

Thượng là thuộc về Vua. Tứ là xe bốn bánh do ngựa kéo. Gần cửa Đông Nam, một trong tám cửa của kinh thành Huế, xưa có khu vườn nuôi ngựa để kéo xe cho Vua. Những con ngựa này thường là dữ dằn phải do đội phi kỵ vệ và khinh kỵ vệ nuôi dạy, huấn luyện cho ngựa trở nên thuần. Người đàn bà dữ dằn lúc nào cũng lồng lên như ngựa chứng thì có gọi là “Ngựa Thượng Tứ” cũng đúng thôi. Cửa Đông Nam vì ở gần khu Thượng Tứ nên cũng được dân Huế gọi luôn là cửa Thượng Tứ không ai còn để ý đến hai chữ Đông Nam ghi trên vọng lâu nữa.

(Tô Kiều Ngân – Chuyện Huế ít người biết)

## **Lọ**

Trong *Nhị độ mai* có câu: “Mộc mạc ư nhìn *lọ* điểm trang”  
Trong *Kiều* có câu: “*Dầu* rằng đá cũng nát gan *lọ* người

Và “*lọ*” là “*không cần phải ...*”

## Những dị biệt với Truyện Kiều

Theo Hoàng Xuân Hãn, Truyện Kiều có nhiều ấn bản khác nhau với những chữ khác nhau. Theo ông phải biết tiếng Nôm, phải hiểu tiếng Việt, nhiều khi gặp tiếng địa phương lại khác nữa, như:

Một *đôi* nghiêng nước nghiêng thành  
Sắc đành *đòi* một, tài đành họa hai

Thực ra phải đọc là:

Một *hai* nghiêng nước nghiêng thành  
Sắc đành *trơi* một, tài đành họa hai

(Thụy Khuê – Nguyễn Đình Toàn)

## Chữ nghĩa trên mạng

Dưới đây là lời rao kết bạn đọc được trên internet:

Nam 25 tuổi, người Bắc, cao 1.7m, nặng 72kg còn độc thân. Thành đạt, đẹp trai, thông minh, sở hữu xe BMW, nhà ở trang trại có hồ bơi nước nóng, nước lạnh. Không bán, không cho thuê, cũng không cần bạn gái.

Chỉ muốn khoe vậy thôi.

## Con tem, con cò

Bưu điện do người Pháp thiết lập năm 1862.

Người Bắc gọi là “con tem” vì người Pháp gọi nó là “timbre”.

Người Nam gọi “con cò” vì thấy hình con cò trên con tem.

Ngoài ra còn được gọi là “con niêm” vì thấy nó dùng để niêm kín cái thư.

Người Nam còn gọi người chỉ huy cảnh sát “ông cò”. Chữ “cò” đây phát âm chữ đầu của chữ pháp *commissaire de police*.

(Phạm Đình Lân)

## Tên gọi người...

Trong *Phụ nữ tân văn* số 5-1929 có bài thơ tựa đề *Sài Gòn* của tác giả Hải Khách:

Sài Gòn nguyên thị nhất đô hội

Đủ Tây, Chà, Chệt, Mọi, Cao Mên  
Kể chi là đất người quen  
Tiêu khiển cũng một đôi phen lếu láo

Vì vậy người Thượng được là “mọi” trước thập niên 30? Bây giờ người trong nước kêu là “người dân tộc”. Hiểu ra là người Việt là... “ngoại tộc”, không phải là người dân tộc!.

(Phan Anh – Chùa Hoa)

### **Chữ nghĩa làng văn**

"Chó má": Lời khen con nít mới đẻ xinh tốt, mà không dám nói ngay.

(Tự điển Huỳnh Tịnh Của)

### **Tiếng Việt tiếng Tàu**

Vì mê tin, người Việt đặt tên con xấu để khỏi bị ông giời “bắt” đi như: thằng Cu, cái Hĩm, thằng Chuột, thằng Tèo.  
Người Tàu cũng vậy, họ gọi tên vớ: thằng Heo (Tựa Kía), thằng Cứt Heo (Tựa Sáng), thằng Cẩu.

Nhưng họ không bao giờ đặt tên là “Cu”.

(Quách Xuân Sơn – Người Hoa, đồng âm và đầu óc dị đoan)

### **Tiếng Việt cổ**

Xưa tiếng chỉ “*cái bẫy chim*” mà theo tiếng Việt cổ là từ “*kráp*” chuyển biến theo thời gian thành từ “*sập*” (chim) hay “*rập*” (chim) trong tiếng Việt ngày nay.

### **Giai thoại làng văn**

Thập niên 30 báo ra từng kỳ có “Nam Phong”, “Hữu Thanh”, toàn bàn về vấn đề xã hội và văn hóa. Người viết báo, nói thực ra là làm văn chớ không phải làm báo.

Một cái đoản thiên ngắn bao giờ cũng bắt đầu bằng một đoạn tả cảnh biền ngẫu, kiểu “Tuyết Hồng lệ sử”. Còn xã thuyết thì bàn về chữ “tín”, chữ “nghĩa”, và thường là phải bắt đầu bằng câu “Phàm người ta ở trên đời”. Vì thế, người viết báo trước hết phải tập viết văn cho nhịp nhàng, thánh thót.

Vậy là tôi học thuộc lòng văn của người khác rồi bắt chước tứ văn và cả ý văn của họ để viết bài. Bây giờ không còn nhớ những bài văn ấy ra sao, chỉ mang máng là có làm một tập thơ đủ các loại: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn cổ phong, yết hậu...và bài vỡ theo kiểu “Bội phu quả báo” với...“Phàm người ta ở trên đời”....

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

## **Ẩn dụ**

Ẩn dụ là một hình thái được sử dụng thường xuyên trong văn học, một bài viết. Thay vì mô tả một sự vật, sự kiện một cách thông thường, lối ẩn dụ lấy hình ảnh của sự vật, sự kiện có từ vựng, cảm xúc dùng để liên tưởng đến những ý tứ khác..

Khái niệm ẩn dụ bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp là "sự chuyển", hoặc có nghĩa là "suy ra" hoặc "tạo ra".

(nguồn Wikipedia)

## **Bản Kiều cổ nhất – 1852**

Gần 100 pho sách cổ về gia phả dòng họ Nguyễn Tiên Điền ở huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh) vừa được phát hiện. Điều thú vị nhất trong 100 pho sách này là lần đầu tiên độc giả của Truyện Kiều được nhìn thấy dòng chữ viết tay của học giả Lê Thước về giờ, ngày, năm sinh, nơi sinh của đại thi hào Nguyễn Du và *một bản Kiều cổ nhất*.

### **Bộ sưu tập sách cổ**

Khởi thảo cuốn bản thảo gia phả dòng họ Nguyễn Tiên Điền do cụ Nguyễn Nghiễm viết. Sau đó cụ nghè tiền sĩ Nguyễn Mai tục biên thành bản gốc. Đây là cuốn gia phả gốc, rất chi tiết về dòng họ Nguyễn Tiên Điền lần đầu tiên được phát hiện. Tiếp theo là cuốn gia phả lược trích tên, chức vụ phần đại tôn của dòng họ, từ đời thứ nhất đến đời thứ mười. Cuốn này do con trai và con rể là Nguyễn Hiệu và Lê Văn Diễn viết vào đời Minh Mạng thứ 9 năm 1828. Cũng cuốn gia phả gốc, học giả Lê Thước (1891-1976) viết thêm vào phần cuối về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du. Có thể đọc thấy những dòng chữ:

*“Cụ Nguyễn Du sinh giờ Dần ngày 23-11 năm Ất Dậu (năm 1765 âm lịch - NV), hiệu Cảnh Hưng thứ 26, triều vua Hiến Tôn, nhà Lê (tức ngày 3-1-1766 dương lịch). Nơi sinh, ở biệt thự Trung cần công Nguyễn Nghiễm, tại phường Bích Câu, thành Thăng Long”.*

Kể là Truyện Kiều chép tay (do mất bìa và một số trang nên chưa rõ năm ra đời) và cuốn Kim Vân Kiều lục, gồm 64 hồi (biên thể Truyện Kiều dùng cho *Hát trò Kiều*) được chép tay năm 1852. Đây là bản Kiều được xem là cổ nhất hiện nay sau bản Kim Vân Kiều tân truyện của nhà tàng bản (khắc in) Liễu Văn Đường, in năm Tự Đức thứ 19 (1866) được phát hiện năm 2004 trong một gia đình ở huyện Thanh Chương (Nghệ An).

### **Bản Kiều chưa rõ năm ra đời**

Cuốn *Hát trò Kiều* (ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân), cuốn sách này, cụ Nguyễn Quỳnh viết: *“Nếu đọc được sách hay và viết được sách hay có ý nghĩa như thế này thì cuộc đời tôi sẽ không làm gì hơn là chỉ đọc sách và viết sách. Vì những việc làm từ câu chữ trong sách sẽ giúp ích lớn cho đời”*.

(Vũ Toàn - Tìm thấy bản Kiều cổ nhất)

### **Tiếng Việt dễ và...dễ thương**

Tiếng Việt miền Bắc nè:

Không nằm thì chúng nó bảo mình nười. Nằm thì chúng nó bảo nà mình nằm náo, nằm ne, nằm nấy nệ !

(Nguồn ĐatViet.com)

### **Cây ngô đồng**

Cổ thi có câu: *“Ngô đồng nhưt điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu”* (một lá ngô đồng rụng thiên hạ biết thu tới).

Ở Huế trong các lăng Gia Long, Minh Mạng cũng trồng thành hàng. Thân thuộc loại gỗ cứng, có vỏ láng xanh, lá to mọc thành chùm. Mỗi chùm có 12 lá, lá có chia 3 hoặc 5 giống lá phong nhưng hơi tròn đầy lớn hơn lá phong. Hoa nở vào mùa xuân, cánh hoa thon dài như hoa ngọc lan màu trắng ửng nhụy vàng.

(Võ Kỳ Điền - Thảo mộc trong cổ văn Việt Nam)

### **Tục ngữ Tàu**

Lão nhân nhĩ thụ tử can  
Tất định yếu nhập quan  
(Giái tai người già khô  
Át sẽ vào hòm gỗ)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## Những sai lầm trong làng văn I

Trước đây đã có những nghi vấn về tác giả tác phẩm, vì nhiều trích dẫn lại từ những tài liệu sai lầm đã xảy ra chỉ vì không có tài liệu để phối kiểm nên để lập lại những sai lầm của nhau.

Xin nêu một vài trường hợp:

Nguyễn Công Trứ mất năm 1858 hay 1859?

Nguyễn Khuyến mất năm 1909 hay 1910?

Trần Trọng Kim sinh năm 1882 hay 1883?

Nguyễn Khuyến là Đốc học Thanh Hóa?

Chu thần có sách ghi là “tự”, có sách ghi là “hiệu”?

Bài văn tế mĩa một sĩ quan Pháp tử trận là của

Nguyễn Khuyến hay một nho sĩ ở Thái Bình?

*(Phụ chú: Trần Trọng Kim từ trần ở Đà Lạt. Trong Việt Nam niên biểu III Nhân vật chí, Chánh Đạo Vũ Ngự Chiêu ghi là tại Hà Nội)*

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### Trích...“Tập làm văn”

Đề: Tả chú thương binh.

“...Gần nhà em có một chú thương binh, chú *bị cụt đầu*.  
Sáng nào chú cũng đi qua nhà em ăn sáng...”

### Đạo văn

*Việt Nam Văn học toàn thư* (Saigon-1957) của Hoàng Trọng Miên đạo trăm phần trăm *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* của Nguyễn Đồng Chi (Hà Nội -1956).

Sách này được chấm nhất về biên khảo, giải văn chương tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm.

(Thế Phong – Bữa ăn cuối cùng với Phán Quan)

### Giá sách cũ

Năm 1969, tạp chí Khởi Hành (Sài Gòn, số 24, ngày 9-10-1969) hỏi Bình Nguyên Lộc: Ông đang viết cuốn truyện thứ bao nhiêu của ông? Bình Nguyên Lộc đáp: “Tôi đang viết truyện thứ nhứt”.



Cuốn truyện thứ nhứt của Bình-nguyên Lộc, ông khởi thảo từ năm 1935, năm ông hăm một tuổi. Tức cuốn Hương gió Đồng Nai. Bản thảo thất lạc trong thời chiến tranh, trong những cuộc tản cư hồi hải. Mấy chục năm sau, ông vừa thử viết lại vừa cố gắng tìm bản thảo xưa; ông rao tìm trên mặt báo, kêu gọi sự giúp đỡ của người hảo tâm tứ xứ. Cho tới khi qua đời ở Mỹ năm 1987, tức 52 năm sau, tác phẩm nọ vẫn chưa tìm lại được, vẫn chưa viết lại xong.

Hương gió Đồng Nai là một mối bận tâm suốt đời của Bình Nguyên Lộc. Dòng họ ông vẫn giữ được bản gia phả mười đời. Sinh sống ở đất Tân Uyên, một làng bên con sông Đồng Nai. Mười đời kể đến 1965 (lúc ông trả lời cuộc phỏng vấn của Ngu Í) thì đến đời cháu ông hiện nay đã thành ra mười hai đời, tức độ ba trăm năm; vậy tổ tiên ông thuộc lớp những di dân đầu tiên vào Nam lập nghiệp.

Đồng Nai là bận tâm của một dòng họ. Phù Sa là bận tâm của cả miền Nam. Phù Sa, tác phẩm thứ hai trong đời Bình Nguyên Lộc, khởi thảo năm 1942, nhằm vào công trình mở mang bờ cõi về phương nam, tới tận mũi Cà Mau. Tác phẩm ấy, đến ngày cuối cùng của ông, 45 năm sau, viết đi viết lại mãi vẫn chưa xong.

(Khuyết danh – Bình Nguyên Lộc: Một nhân sĩ trong làng văn)

### **Thơ Bút Tre và Hồ Xuân Hương**

Không vô không biết bút tre  
Vô rồi mới biết muốn tè ra ngay  
Chưa ăn chưa biết cu đờ  
Ăn rồi mới biết nó đờ cu ra

### **Lại cái lại đực**

Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc phóng bút: “Cho đến nay, có nhiều người không phân biệt được sự khác nhau giữa “đồng tính luyến ái” với “lại cái, lại đực”.

Thì đàn ông “sưu tra, sưu tầm” thì “lại cái” để chỉ đàn ông, con trai có nhiều nữ tính, thích làm đờm làm dáng, thích điệu bộ như...con gái. Và “lại đực” thì ngược lại, chỉ đàn bà, con gái. Còn “đồng tính luyến ái” chỉ cho cả hai giới cùng phái qua luyến ái tình dục.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Truyện ngụ ngôn: Một con kiến kết hôn với một con voi mặc dù bạn bè phản đối. Đêm tân hôn, con voi qua đời.

Con kiến khổ sở than: “Chỉ một phút nông nổi mà mình mất cả một đời...đào huyết chôn voi”.

### **Tứ đồ tường**

Tứ đồ tường gồm: Tửu, sắc, yên, đồ.

Tửu là rượu. Sắc biểu tượng cho đàn bà, con gái. Yên từ “*yên sĩ phi lý thuần*” tức đi mây về gió. Đồ là cờ bạc

(Đồ nợ chứ không phải đồ *tường*. Vì tường đây là giết, hại).

(Hoàng Hải Thủy – Đàn bà thời xưa...)

### **Chữ nghĩa làng văn**

"Cây chó đẻ" là một loài cỏ dùng làm thuốc chữa bệnh hậu sản.

(Tự điển Huỳnh Tịnh Của)

### **Tục ngữ Tàu**

Thượng sàng phu thê, hạ sàng quân tử

*(Lên giường là vợ chồng, xuống giường là quân tử)*

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### **Lợn**

Nên lưu ý là về lợn, vốn từ vựng tiếng Việt rất dồi dào. Không những dồi dào mà còn chi li: lợn có nhiều loại khác nhau.

Ví dụ: lợn. Đã có lợn lại còn có heo. Lợn thì có lợn bột, lợn cà, lợn cần, lợn ý, lợn sề, lợn lòi, lợn tháu,... Heo thì có heo bông, heo cổ, heo cúi, heo đáí (còn gọi là heo hạch), heo đèo, heo gạo, heo gió, heo lang, heo nái, heo nọc, heo rừng, heo sữa, heo vá chàm, heo voi..v..v..

Tuy nhiên, đó là sống. Còn chết thì khác. Gà, vịt, chim, cá v.v... lúc sống thế nào thì lúc chết thế ấy. Có lẽ chỉ có vài bộ phận của chúng là được đổi tên: máu hay huyết sẽ biến thành tiết; cái đầu sẽ được gọi bằng một từ Nôm khác: cái sỏ hoặc một từ Hán Việt thanh nhã hơn: cái thủ. Thế thôi.

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt: Cọp và Chó)

## Tiếng Việt cổ

Luộc: lược

Khon: con khi

Cuồng: khùng

### Năm

Chữ Nôm là chữ của người nước Nam *pha trộn* với một số các từ Hán Việt (chữ Tàu phát âm theo kiểu Việt Nam). Lối viết của chữ Nôm dựa hoàn toàn vào chữ Hán và lại phức tạp gấp mấy lần. Thông thường một từ chữ Nôm là sản phẩm của hoặc một sự chấp nối ít nhất 2 từ của tiếng Hán, hoặc một sự vay mượn nguyên con một từ tiếng Hán nhưng đọc theo kiểu Nôm.

“Năm” có nghĩa số 5, tiếng Hán là ngũ, tiếng Nôm kẹp từ “nam” (chỉ phương Nam) với “ngũ”, mới viết được ra tiếng Nôm “năm”, năm = nam+ngũ.

“Năm” chỉ năm tháng lại dùng: nam+niên. Nam nghĩa phương nam cho âm, niên tiếng. Hán Việt là năm.

“Bà” (lão bà) viết bằng “ba” (sóng, phong ba) nằm trên chữ “nữ”.

(Phan Trọng Hoa – Tự điển chữ Nôm)

### Chữ nghĩa máy vi tính

Diệt vi-rút chuyên ngành:

- 1 - Sao chép file chứa vi-rút vào USB.
- 2 - Khi copy nữa chừng: rút USB ra để vi-rút đang chạy từ PC sang USB sẽ bị rơi ra ngoài.
- 3 - Bỏ vi-rút vào túi, đem đi thử nghiệm và cho uống thuốc.
- 4 - Thả vi-rút vào máy để truyền thuốc cho vi-rút khác và chúng sẽ chết hàng loạt.

### Công tử bột

Công tử bột là ai vậy? Theo nhiều người kể lại, các chàng công tử bột không phải ai xa lạ mà chính là các công chức ngành dây thép (bưu điện) trong thời Pháp thuộc. Thuở ấy, các công chức này thường ăn diện quần áo trắng tinh, bảnh bao, cứ chạy nhong nhong như cò lông công trên các đường phố ở thành phố. Nhưng có sao lại gọi là công tử bột?

Từ "bộ", vốn là cách đọc chệch của âm từ "poste" trong tiếng Pháp, có nghĩa là bưu điện (dây thép). Hóa ra công tử bộ làm nghề bưu điện. Hiện nay các hình ảnh đó đã xa vắng, khác lạ so với chúng ta, không còn hình ảnh nào để gợi nhớ tới họ nữa.

## Những sai lầm trong làng văn II

Sau khi vào công tác tại Sài Gòn, một lần tôi (Hoài An) đọc một bài văn nghệ có những văn nghệ sĩ như Tô Hoài, Chế Lan Viên, *Chu Thiên*... Lúc đầu tôi hơi sững sốt nhưng sau vỡ lẽ ra, chẳng là tác giả bài báo thấy có tên Hoàng Minh Giám nên định ninh đó là Chu Thiên. Thì ra qua đó tôi rút ra một điều:

Chu Thiên có độc giả của mình, nhiều người quý mến ông đến nỗi nhớ cả tên thật của ông được ghi chú sơ sài trong một cuốn sách phê bình văn học và mỗi khi đọc đến tên *nhà hoạt động chính trị xã hội Hoàng Minh Giám*, được xuất hiện liên tục trong báo chí mấy chục năm qua, vẫn yên trí đó là Chu Thiên.

Xưa nay chỉ có cái họa trùng bút hiệu..., nhưng đến cái họa trùng tên thì thật là quả hiếm có. Điều đó nhắc nhở chúng ta nên quan tâm giới thiệu tiểu sử các nhà văn chính xác và kỹ càng hơn nữa để tránh tình trạng lẫn lộn người này với người kia, mặc dù những người ấy đang còn sống sờ sờ.

*(Phụ chú: Bên dưới bút danh Chu Thiên, Vũ Ngọc Phan ghi tên thật nhà văn là Hoàng Minh Giám trong hai ngoặc đơn. Ban đầu tôi cứ tưởng ông là Hoàng Minh Giám hiệu trưởng trường trung học Thăng Long được ghi trong danh sách giáo viên nhà trường đăng báo Ngày nay. Tôi hỏi cha tôi, cha tôi bảo ông Hoàng Minh Giám dạy trường Thăng Long là ông Hoàng Minh Giám khác, người làng Đông Ngạc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, con cụ Phó bảng Hoàng Tăng Bí. Còn ông Chu Thiên là người Phú Khê, huyện Ý Yên, Nam Định, ông tên Giám lấy hiệu Chu Thiên, do chữ "Giám chi chu thiên" nghĩa là "xem xét khắp cả vòng trời").*

(...trích *Chu Thiên*, gương sáng nhà nho chân chính – Hoài Ân)

## Chữ nghĩa thập niên 20

*Viễn phố Hợp phố* – Sông Tiêu tương có 8 cảnh đẹp trong đó có *Viễn phố* và *Hợp phố*.

Xưa có một người nằm mộng: Thấy tinh nhân ở Viễn phố, rồi sau thực được gặp ở Hợp phố. Cho nên có câu “Mộng quân ư Viễn phố hệ phùng quân ư Hợp phố”.

(Tôn Thất Lương – Xuân mộng)

### Chức vụ

Những chức vụ như *vua, tổng thống, thủ tướng, v..v..* bình thường không viết hoa. Nhưng nếu đặt trước một tên nhân vật cụ thể thì phải viết hoa chữ đầu, ngoại trừ những trường hợp ngoại lệ.

Ví dụ "Vua Quang Trung" chứ không phải "vua Quang Trung".

(nguồn Wikipedia)

### Già

Già – Do chữ “Già lam”, theo tiếng Phạn là chùa Phật (*cửa Già*)  
Kiều có câu: *“Có người đàn viêt lên chơi cửa Già”.*

Già: Còn có nghĩa là cái gông.

”Già giang” là cái gông đeo cổ.

Trong Kiều có câu: *“Già giang một gái, một trai – Một dây xô loại buộc hai thân mình”.*

### Tự hiệu, biệt hiệu

Xưa, khi sinh ra đến 19 tuổi, con trai được gọi bằng *tên tục* tức là *tên húy*. Từ 20 tuổi trở đi bắt đầu đội mũ (mão), sau khi làm lễ đội mũ gọi là lễ gia quan mới có *tên tự* (tự hiệu). Do đó tuổi 20 gọi là *tuổi nhược quan* (nhược là tuổi 20, quan là mũ).

Với những người trong giới văn thơ có thêm *hiệu* (biệt hiệu). Hiệu để trước họ, tự đặt sau họ. Thí dụ:

Thanh Hiên Nguyễn Tố Như (Nguyễn Du) thì Thanh Hiên là hiệu (biệt hiệu). Tố Như là tự (tự hiệu). Còn Du là tên húy, tên tục.

*(Phụ chú: Tàu có câu “Quan, hôn, tang, tế vô hồi” là bốn cái lễ quan trọng trong gia đình. Riêng với quan là lễ đội mũ cho con trai như trên..v..v..và tế là cúng lễ thần linh)*

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Ung dung tự tại?

“Ung dung tự tại”, nhưng thực ra là “*thung dung tự tại*”.

Trong *Nhị độ mai* có câu: “*Thung dung xuống hậu sảnh đường...*”.

## Thăng sàng...

Hồi xưa, khi vừa biết chữ võng (Hán tự) có nghĩa là *cái lưới*, tôi liền hoan hỉ thấy công việc tầm nguyên chữ nghĩa xem ra thoải mái quá. Cái võng do cái lưới mà ra: Đích rồi. Mặt võng khác gì mặt lưới? Giăng ra bắt chim bắt thú, gọi là lưới; còn treo nó lên để nằm đu đưa thì gọi là võng. Cũng nó thôi.

Thừa thắng xông lên, tôi phăng ngay ra quê quán của chiếc võng. Lại gốc từ phương Bắc nữa đây. Tiếp xúc với văn minh Trung Quốc có nhiều cái lợi; ít nhất là cái lợi cho thuở bé nằm bú sữa mẹ, và khi lớn lên thỉnh thoảng được nằm toòng teng về nhà ngoại. Tôi hài lòng về sự học hỏi của mình. Đến khi gặp bài thơ “*Tức sự*” của Cao Bá Quát liền nhận ra sự lố lằng của mình. Cao Bá Quát mở đầu:

**Nhãn khan cao điều độc phản lung**

**Tự ý thăng sàng bất ngữ trung**

Hoá ra cái võng nó không hề là cái lưới; nó là “*thăng sàng*”, là “*cái giường*” đây! Như vậy rõ ràng là ở Tàu võng không có tên, không có mặt. Người Tàu khi cần nói đến nó, phải tìm cách phiên dịch tiếng nước ta. Thế là cái võng mất quê quán ở phương Bắc.

(Võ Phiến – Cái võng)

## Chữ Tàu gốc Việt

Tý chữ Hán là con chuột

Tử cũng là chữ Hán (con chuột) nhưng “*tử*” là tiếng Việt cổ.

Chữ tử viết bằng bộ khẩu, gần giống với chữ tý.

## Bút hiệu

Dương Nghiễm Mậu bị giam giữ ở trại giam Phan Đăng Lưu với Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hiệu và Nhã Ca. Chẳng hiểu vì lý do nào, cũng như với Lê Xuyên tác giả *Chú Tư Cầu*. Mậu là một trong hai tù nhân bị quản huấn bỏ quên lâu nhất. Mãi gần nửa năm sau, mới được gọi lên. Cuộc thẩm vấn thật tức cười:

- Anh tên gì?

- Dương Nghiễm Mậu. Tên thật Phí Ích Nghiễm.

- Sao lại những hai tên?

- Một tên cha mẹ đặt. Một tên vì nghề nghiệp.

Quản huân lắc đầu, Mậu không có hồ sơ tội phạm. Đành hỏi:

- Anh bị bắt tội gì?

- Nghề văn nghệ sĩ.

Tên quản huân mặt mày rạn rỡ:

- Có thể chứ. Vậy tôi ghi vào hồ sơ tội trạng anh, anh nhớ kỹ nhé:

Tội anh là tội văn nghệ sĩ có...hai tên.

(Mai Thảo – Con đường Dương Nghiễm Mậu)

### **Tên tác phẩm**

Có nhiều câu thơ hay tên tác phẩm được các tác giả vay mượn lẫn nhau: *Đường vào tình sử* là câu thơ của Vũ Hoàng Chương lấy từ tên thi tập của Đinh Hùng.

*Trở ta sông núi* là tên tác phẩm của Phạm Văn Liễu vay mượn từ câu thơ của Vũ Hoàng Chương. Nhiều nhất là tên bài thơ *Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển* của Du Tử Lê, v..v..

### **Chữ nghĩa bệnh già**

Người già không muốn nhắc nhở đến ngày sinh nhật.

Họ mở báo đọc hay tìm trang cáo phó đọc trước

### **Điệu nghệ hay điệu nghệ?**

Hiển nhiên, điệu nghệ là do đọc chệch từ điệu nghệ mà ra. Điệu nghệ là từ Hán-Việt, trong đó điệu (cũng là thành tố của các từ tuyệt điệu, huyền điệu, điệu kỳ...) nghĩa là hay, giỏi, khéo và nghệ nghĩa là nghề. Điệu nghệ là giỏi nghề.

Còn điệu nghệ là một ghép nối giữa một thành tố thuần Việt (điệu) với một thành tố Hán (nghệ), tựa như “rất giỏi” vậy. Vậy mà khốn thay, thiên hạ hầu như chỉ một mực nói và viết điệu nghệ thay vì điệu nghệ! Một lần nữa, giờ Đại từ điển tiếng Việt: không hề có điệu nghệ mà chỉ có điệu nghệ!

Khi mà một bộ sách như Đại từ điển tiếng Việt do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung Tâm Ngôn ngữ và Văn hoá xuất bản, cũng mắc những sai sót sơ đẳng đến thế! Thiết tưởng, có nói người ta đang *tàn sát* tiếng Việt cũng không ngoa.

## Mộc dục

Mộc là một trong ngũ hành là cây. Mộc dục là tắm gội.  
Tương truyền thầy địa lý dạy rằng: Mạch nước ở *phương mộc* chảy về phía mồ mả nhà nào thì nhà ấy sẽ đẻ con gái đa dâm.

## Chữ nghĩa trong thơ

Trần Đăng Khoa độ 10 tuổi, bằng thái độ hồn nhiên phê bình thơ của Tố Hữu trong bài thơ *Ta đi tới*, đoạn mở đầu có câu:

Ta đi giữa ban ngày  
Trên đường cái ung dung ta bước  
Đường ta rộng thênh thang tám thước  
Đường Bắc Sơn\*, Bình Cản, Thái Nguyên

Trần Đăng Khoa lý giải: Câu “*Đường ta rộng thênh thang tám thước*” cần phải sửa lại. Vì thênh thang, làm gì có giới hạn. Nếu đã nói 8 thước, không thể gọi là thênh thang được.

Tất nhiên lời phê bình của Trần Đăng Khoa có thể bị “*ghi vào sổ*” vì “*mới nứt mắt mà đã kiêu căng*”.. Nên vừa mới 17 tuổi, Trần Đăng Khoa đã phải vào...lính.

(Lý Hồng Nhân - Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn với Xuân Sách)

## Chữ nghĩa bẽ bẽ

Nhiều tác giả viết trên sách báo câu:

Văn chương chữ nghĩa bẽ bẽ  
Thần “l...” nó ám cũng mê mẩn đời

Tâm chương trích cú thì câu trên xuất xứ từ một nhà văn Tàu: “Nữ nhân đối với nam nhân trước sau chỉ là cái “*thiên cổ chi mê*”.

Từ đấy cái “*thiên cổ chi mê*” của Tàu xuất hiện khắp nơi khắp chốn trên văn đàn của Ta.

(Vũ Tài Lục – Người đàn bà trong tướng mệnh học)

## Dĩnh ngộ?

Dĩnh ngộ chứ không phải là “đính ngộ”. Dĩnh ngộ nghĩa là có mặt mà sáng sửa, có vẻ thông minh (thường nói về trẻ em).



Ví dụ: Nguyễn Du sinh ra trong một gia đình có truyền thống văn học. Từ nhỏ ông đã nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ.

(nguồn Wikipedia)

### **Truyện cực ngắn - BẠN BÈ**

Truyện chóp hay cực ngắn có truyện chỉ một vốc chữ, thậm chí một dúm câu. Nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có tráng qua một chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta không có cảm giác ngọt nhạt như bị vo nén lại rồi nhét vào trong cái ống điều...

*"Cử bôi yếu minh nguyệt*

*Đổi ảnh thành tam nhân"*

(Lý Bạch)

Hoang vu mãi cũng chán. Hấn bèn tìm kiếm người để tâm sự hàn huyên. Nhưng làm sao có thể tin ai được ở thời buổi này? Hấn mới lấy cái bóng của mình làm bạn. Nhưng để chắc ăn, mỗi khi ra chốn đông người, hấn thu nhỏ cái bóng của mình lại nhét vào trong túi quần. Và như thế không ai biết hấn có một người bạn thân cả. Chỉ khi về đến hang ổ của mình, hấn mới lấy cái bóng của mình ra từ trong túi rồi trải dài trên mặt đất để cùng nói chuyện với hấn hay cùng uống với hấn một lon bia.

Lúc đó hấn cất lên một câu nói của Thanh Tâm Tuyền:

*"Tôi không còn cô độc".*

### **BỤT**

Đức Phật Tổ cho rằng đạo của người là đạo "Tỉnh thức".

"Tỉnh thức" nói theo tiếng Magadhi là Budn (tức là Bụt).

### **GIÁ SÁCH CŨ**

Mai Thảo viết văn xuôi, người ta vẫn thấy ẩn hiện những thơ. Ông sống rất một mình, nhưng đằng sau, người ta vẫn thấy ẩn hiện một mối tình. Kín đáo, bí mật và lặng lẽ.

Bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại* càng đọc, người ta càng thấy người phụ nữ ông yêu hiện ra càng rõ nét hơn. Tôi tin ông viết bài thơ ấy cho một người mà tôi nghĩ là tôi có thể đoán ra được. Nhưng mấy lần hỏi ông viết bài thơ ấy cho ai, ông đều lảng sang chuyện khác. Ông không trả lời, ông không xác nhận bài thơ ấy viết cho ai, nhưng chúng tôi nghĩ chúng tôi đoán chắc đúng.

Có một khoảng cách tuổi tác giữa ông và người ông nhắc đến trong bài thơ, một khoảng cách mười mấy tuổi:

*Em đủ mười phương từ tuổi nhỏ  
Ngân ấy phương anh tới tuổi già  
Tuổi ư? Hồn vẫn đầy trăm gió  
Thổi suốt đêm ngày cõi biếc ta*

Lúc hạ huyết người đàn ông ấy, tôi hỏi Kiều Chinh có phải *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại* Mai Thảo viết cho cô không, và trước khi những nắm đất cuối cùng được ném xuống đất. Cô đã gạt đầu...

Tôi thấy những giọt nước trên mắt.

(Bùi Bảo Trúc - Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại)

## Mụ Béo

Ở Hà Nội vó quán giải khát cũng mang tên “Mụ Béo” tại đầu đường Lê Thái Tổ xé với nhà Thủy Tạ bên cạnh hồ Hoàn Kiếm phía bên kia đường. Đặc biệt nữa là Mụ Béo có cô con gái cũng có tướng tá đáng bộ giống gần như mẹ, đứng phụ bán hàng. Khởi đầu quán có bà Tộ Béo, sau thành thành tục danh là Mụ Béo.

## Chữ nghĩa máy vi tính

Chuyện được nhật nhận trên internet: Rao vặt: Dinh Độc Lập cũ tuyển nhân viên.

Yêu cầu: Cần một người lương thiện, không dị tật, có ngoại hình, có cơ bắp, năng động, không cần bằng cấp phó tiến sĩ.

Làm ngày 2 ca, lương tháng 3000 USD, bảo kê đầy đủ.

Công việc: Việc nhàn hạ, sáng đẩy xe “Tăng Mỹ Ngụy M48” ra sân cho du khách chụp ảnh. Chiều đẩy vào kho.

## Thơ phổ nhạc

Có một số thơ phổ nhạc nổi tiếng một thời. Nhưng tên thi sĩ bị bỏ quên, như:

*Em hỏi anh bao giờ trở lại  
Xin trả lời mai một anh về*

....

*Anh nhìn em, anh sẽ cố gắng quên  
Tình nghĩa cũ một lần trăm trời*

Ấy là bài thơ của Linh Phương làm bài *Kỷ vật cho em* làm trong khi đang hành quân ở Chương Thiện đầu năm 1970.

## Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Cầu Kiệu hay là Cầu Xóm Kiệu ở Phú Nhuận là nơi xưa kia trồng rất nhiều hành kiệu.

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

## Biến âm trong tiếng Việt

Vào thế kỷ XVII, do việc chúa Nguyễn Phước Nguyên (1613 - 1635) gả công nữ Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp Chư Chetta II năm 1620 và gả công nữ Ngọc Khoa cho vua Chiêm Thành Pô Romê năm 1631 mà lãnh thổ Việt Nam thời bấy giờ mở rộng đến vùng Bà Rịa, Đất Đỏ và người Việt Nam từ Đàng Trong đã vào đây buôn bán, làm nghề thủ công kể hàng mấy ngàn người, định cư đến Bến Cá, Cù Lao Phố, Mĩ Tho, Hà Tiên v.v... Di dân đã mang theo ngôn ngữ của họ, phối hợp với từ ngữ, cách phát âm của người địa phương và trải qua một thời gian dài giữ lại, biến đổi hoặc bỏ đi để hình thành một hệ thống ngôn ngữ miền Nam.

Sự biến âm này có nhiều lí do, đó là có thể do thói quen kiêng cử tên các bậc vua chúa, quan lại (như kiêng tên Lê Văn Duyệt), nhiều người nói thành “*duyet*”, rồi ra “*dọt*”) hay một lí do nào khác mà thay đổi đi và thường thấy nhiều nhất trong khẩu ngữ. Người ta có thể nói “thời gian” thành “*thi giờ*”; “bình an” là “*bình yên*”; “đang lúc” ra “*đương lúc*”; “số mệnh” thành “*số mạng*”.. v.v...

Dần dần tiếng Việt đã bớt dần sự biến âm trong tiếng Việt miền Nam. Người miền Nam bớt dần cách nói “*hườn thuốc*”, “*hòa huồn*”, “*ngươn đán*” ..v.v...

(nguồn Nguyễn Viết Sơn)

## Chữ Việt gốc Tàu

Chú: thúc (Hán Việt)

Bác: bá (Hán Việt)

Cậu: cữu (Hán Việt)

## **Độc giả**

Theo *Hán-Việt từ điển* của Đào Duy Anh thì độc là đọc sách. Độc giả là người đọc sách.

Tôi đã thử tìm chữ "người đọc" trong cuốn *Từ điển An Nam – Lusitan - Latin* của Alexandre de Rhodes xuất bản tại Rome năm 1651: Không có. Tìm chữ "độc giả": Cũng không có. Cả trong cuốn *Việt Nam Quốc âm Tự vị* xuất bản tại Sài Gòn năm 1895 của Huỳnh Tịnh Paulus Của cũng không có hai chữ ấy.

Dĩ nhiên, tôi biết, chưa thể vì sự vắng mặt này mà chúng ta đã có thể đi đến kết luận là trước thế kỷ 20 hai chữ "độc giả" hay "người đọc" không từng hiện hữu. Có thể chúng đã có, nhất là chữ "độc giả". Có thể. Nhưng nếu có: Chúng nằm ngoài lỗ tai của Alexandre de Rhodes và cũng nằm ngoài sự ghi chép nhất định là rất cẩn thận và nghiêm túc của Huỳnh Tịnh Paulus Của.

(Nguyễn Hưng Quốc – Viết cho ai?)

## **Tiếng Việt dễ và chẳng...dễ thương**

Với tuổi trẻ ngày ngắn, năm dài.

Với tuổi già năm ngắn, ngày dài.

(ĐatViet.com – Trau dồi tiếng Việt)

## **Ca dao tình yêu miền Nam**

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật những nỗi niềm ấp ủ trong lòng:

"Tôi xa mình hồng chết cũng đau

Thuốc bạc trăm không mạnh, mặt nhìn nhau mạnh liền"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

## **Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam**

Gò Vấp, xưa kia là một ngọn đồi trồng cây vấp. Thứ cây này xưa kia được coi như thần mộc, yểm hộ cho dân tộc Chăm.

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

## **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ**

- Luôn luôn lắng nghe, lâu lâu mới hiểu.

## **Cuốn Hồng Lô Mộng**

*Hồng lô mộng* (hay tên gốc Thạch đầu kí) là một trong bốn kiệt tác (tứ đại kì thư) của văn học cổ điển Trung Quốc (3 kiệt tác kia là Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, Tây du kí của Ngô Thừa Ân và Thủy Hử của Thi Nại Am).

Tác phẩm được Tào Tuyết Cần sáng tác vào khoảng thế kỉ 18 triều đại nhà Thanh. Tác phẩm xoay quanh câu chuyện tình duyên trắc trở giữa hai anh em con cô con cậu: Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, từ đó mô tả cuộc sống nhiều mặt của một đại gia đình quý tộc đời Minh từ lúc cực thịnh cho đến lúc suy vi trong vòng tám năm. Với hơn 100 triệu bản được xuất bản, tiểu thuyết này trở thành một trong những sách bán chạy nhất của mọi thời đại.